

CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM - SO SÁNH VỚI CÁC QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ASEAN QUA MỘT SỐ CHỈ TIÊU

● NGÔ QUỐC CƯỜNG

TÓM TẮT:

Bài viết dựa trên nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) nhằm nêu bật thực trạng chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam khi so sánh với các quốc gia trong khu vực ASEAN qua một số chỉ tiêu. Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn khá thấp và có khoảng cách khá xa so với các quốc gia trong khu vực. Điều này được thể hiện qua trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật, năng suất lao động khá thấp so với các nước. Trên cơ sở đó bài viết nêu một số đề xuất khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Chất lượng, nguồn nhân lực, so sánh, khu vực ASEAN.

1. Giới thiệu

Việt Nam hiện đang trong thời kỳ dân số vàng với nguồn cung lao động dồi dào và ổn định. Tính đến hết năm 2017, dân số Việt Nam đạt 93,6 triệu người, trong đó lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên theo công bố của Cơ quan thống kê ASEAN chiếm 76%, hàng năm có khoảng 1,5 triệu thanh niên đến tuổi lao động. Với cơ cấu lao động trẻ, có sức khỏe tâm vóc, trình độ và năng suất lao động của người Việt Nam từng bước được cải thiện và nâng cao. Đây là một lợi thế lớn về nguồn nhân lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng nêu rõ: "phát triển và nâng cao nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định... bảo đảm cho phát triển nhanh,

hiệu quả và bền vững". Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, với môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt đòi hỏi nguồn nhân lực phải có chất lượng về năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội cũng như theo kịp trình độ khoa học kỹ thuật tiến bộ của thế giới và trước hết là theo kịp với các quốc gia trong khu vực ASEAN. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một chủ đề quan trọng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Theo đó, bài viết này tập trung phân tích chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam qua so sánh một vài chỉ tiêu với các quốc gia trong khu vực ASEAN, nhằm nêu một số đề xuất khuyến nghị góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn số liệu

Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp, cụ thể là số liệu về lực lượng lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên của các quốc gia trong khu vực ASEAN năm 2018; Trình độ học vấn của các quốc gia trong khu vực ASEAN phân loại trình độ giáo dục quốc tế (ISCED) của UNESCO năm 2018; Tỷ lệ lao động có kỹ năng của các nước ASEAN năm 2017; Năng suất lao động của các nước ASEAN theo giá so sánh năm 2010 và số liệu được thu thập từ Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Tổng cục Thống kê.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kết hợp với phân tích đánh giá.

3. Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam qua so sánh với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á

Về lực lượng lao động: Việt Nam hiện có quy mô dân số đông và có lực lượng lao động dồi dào. Theo số liệu công bố của Cơ quan thống kê ASEAN, tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động từ 15 tuổi trở lên ở Việt Nam chiếm tỷ lệ 76% trong tổng dân số của cả nước. So với các nước trong khu vực, Việt Nam có tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên chiếm tỷ lệ cao trong khu vực, xếp vị trí thứ ba sau Campuchia và Lào. Trong đó, lao động là nam chiếm tỷ lệ 80,8%, cao hơn tỷ lệ lao động nữ 71,4%.

Cũng theo số liệu ở Bảng 1 cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam hiện nay chưa theo kịp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao gần 40% vào năm 2018, trong khi nông nghiệp đóng góp vào GDP chỉ 15,34% và công nghiệp đóng góp 33,34%. So với các quốc gia ASEAN phát triển như Brunei, Singapore, Philippin, Malaysia thì lao động chủ yếu vẫn tập trung vào lĩnh vực dịch vụ và lĩnh vực nông nghiệp chiếm không đáng kể.

Về trình độ học vấn của lao động: Đây là một trong những chỉ tiêu hết sức quan trọng phản ánh chất lượng nguồn nhân lực cũng như trình độ phát triển của kinh tế - xã hội. Theo tiêu chuẩn phân loại trình độ giáo dục quốc tế (ISCED) của UNESCO thì trình độ học vấn được chia thành 5 mức, gồm: dưới mức cơ bản, mức cơ bản, mức trung bình, mức nâng cao và mức không được nêu. Theo tiêu chuẩn này trình độ học vấn của lao động ở các nước ASEAN hầu hết ở mức cơ bản tức là ở mức giáo dục tiểu học và trung học cơ sở chiếm tỷ lệ cao, như ở Philipin tỷ lệ này là 68,7%, ở Myanmar là 60,9% và ở Việt Nam chiếm 53,8%. Tỷ lệ lao động có trình độ ở mức cao còn thấp. Đây là lao động có trình độ giáo dục đại học trở lên, tỷ lệ này dao động từ 6 đến 35%, chỉ riêng Singapore có tỷ lệ này cao nhất chiếm 35,7%. Trong khi đó, tỷ lệ này ở Việt Nam chỉ đạt 12,2%.

Bảng 1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của các quốc gia trong khu vực ASEAN năm 2018

Quốc gia	Phân theo giới tính (%)			Phân theo lĩnh vực (%)			
	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
Brunei	59.1	65.5	52.3	100	1.3	16.1	82.6
Campuchia	80.3	86.6	74.5	100	30.4	26.9	42.7
Indonesia	64.2	78.4	50.1	100	30.5	22	47.5
Lao	77.7	79.2	76.3	100	68	9.1	22.9
Malaysia	62.4	75	49	100	11.1	27.3	61.6
Myanma	61.1	76.4	46.7	100	50.1	16	33.9
Philippin	58.3	72.2	44.5	100	25.2	18.3	56.5
Thailand	67.1	75.7	59.1	100	30.7	23.6	45.8
Viet Nam	76	80.8	71.4	100	39.8	25.8	34.4
Singapore	65.7	73.6	58.1	100	0.5	16.6	82.9

Nguồn ILO

Bảng 2. Trình độ học vấn của các quốc gia trong khu vực ASEAN phân loại trình độ giáo dục quốc tế (ISCED) của UNESCO năm 2018

Quốc gia	Dưới mức cơ bản	Mức cơ bản	Mức trung bình	Mức nâng cao	Mức không xác định
Brunei	4,4	16,5	58	21,2	
Campuchia	32,8	43,2	7,5	6	10,5
Indonesia	16,8	43,5	27,6	12,2	
Lao	9,9	55,8	21	13,2	0,1
Malaysia	2,7	30,5	43,5	23,4	
Myanma	21,6	60,9	8,5	9	
Philippin	1,4	68,7	4,9	25	
Thái Lan+	23,6	38,5	21,2	15,9	0,7
Viet Nam	13,9	53,8	20,1	12,2	
Singapore	10,6	23,6	30,2	35,7	

Nguồn: ILO (2019)

Về trình độ chuyên môn kỹ thuật: Bên cạnh trình độ văn hóa, chất lượng nguồn nhân lực còn được phản ánh bởi trình độ chuyên môn kỹ thuật thể hiện ở số lượng, cấp bậc và cơ cấu của lao động qua đào tạo. Trình độ chuyên môn kỹ thuật thể hiện sự hiểu biết, khả năng thực hành về một chuyên môn, nghề nghiệp nào đó. Đó cũng là trình độ được đào tạo ở các trường chuyên nghiệp, chính quy. Qua Bảng 2 cho thấy, nhìn chung lao động ở các nước ASEAN có kỹ năng lao động trung bình chiếm tỷ lệ cao, kỹ năng lao động đạt mức cao chiếm tỷ lệ thấp. Riêng Việt Nam, mức kỹ năng trung bình của lao động chiếm 53,88%, xếp vị trí thứ hai sau Thái Lan; tỷ lệ lao động có mức kỹ năng cao còn chiếm tỷ lệ thấp chỉ đạt 25,25%, trong khi Singapore có mức cao nhất là 58,69%. Như vậy, mặc dù có nguồn lực lao động trẻ và dồi dào nhưng trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật của lao động nước ta còn thấp. Ngoài ra, theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới thì Việt Nam đang rất thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao và chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam cũng thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Cũng theo thỏa thuận về công nhận tay nghề tương đương của các nước ASEAN thì kể từ năm 2015, lao động của 8 ngành nghề được tự do di chuyển trong khu vực. Tuy nhiên, do trình độ phát triển không đồng đều nên hiện nay lao động có tay nghề và kỹ năng cao trong khu vực chủ yếu di chuyển đến Singapore, Malaysia và Thái Lan.

Bảng 3. Tỷ lệ lao động có kỹ năng của các nước ASEAN năm 2017

Quốc gia	Kỹ năng thấp	Kỹ năng trung bình	Kỹ năng cao
Brunei	17,65	38,24	44,11
Campuchia	33,81	48,14	18,05
Lào	10,61	41,01	48,38
Myanmar	40,1	48,15	11,75
Indonesia	29,63	50,75	19,62
Malaysia	15,33	53,73	30,94
Philippines	33,79	47,97	18,24
Singapore	8,19	33,12	58,69
Thái Lan	19,13	56,86	24,01
Việt Nam	20,87	53,88	25,25

Nguồn: ILO (2019)

Về năng suất lao động: Năng suất lao động của Việt Nam thời gian qua đã có sự cải thiện đáng kể theo hướng tăng đều qua các năm và là quốc gia có tốc độ tăng năng suất lao động cao trong khu vực ASEAN. Tuy nhiên, năng suất lao động của Việt Nam vẫn thuộc nhóm có mức năng suất lao động thấp trong khu vực. Theo số liệu công bố của Tổ chức Lao động thế giới (ILO) cho thấy, năm 2018, năng suất lao động của Việt Nam đạt 3.312

USD/người/năm, thấp hơn Singapore 30 lần, thấp hơn Thái Lan 3,3 lần, Philippin gấp 2 lần. Theo dự báo của ILO, nếu vẫn giữ nhịp độ tăng như hiện nay thì phải đến năm 2038, năng suất lao động của Việt Nam mới có thể theo kịp Philippin và đến năm 2069 mới theo kịp Singapore.

4. Kết luận và đề xuất khuyến nghị

Chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố then chốt giúp Việt Nam theo kịp và có thể hội nhập sâu rộng với các quốc gia trong khu vực. Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn thấp và có khoảng cách khá xa so với các quốc gia trong

Bảng 4. Năng suất lao động của các nước ASEAN theo giá so sánh năm 2010

(ĐVT: USD/người/năm)

Quốc gia	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Brunei	78137	77499	74595	71523	70511	68393	68870	73368
Campuchia	1479	1567	1663	1763	1871	1964	2062	2168
Lào	2440	2579	2729	2877	3026	3172	3321	3467
Myanmar	2208	2348	2523	2699	2857	3068	3308	3518
Indonesia	7186	7388	7741	8004	8339	8654	8836	9174
Malaysia	21653	21877	21821	22413	22969	23555	24471	25223
Philippines	5386	5659	5954	6130	6367	6684	7274	7578
Singapore	90763	91469	94324	94916	94236	95415	97074	98426
Thái Lan	8644	9253	9706	9871	10194	10613	10998	11333
Việt Nam	2376	2460	2537	2650	2810	2970	3136	3312

Nguồn: ILO

Qua Bảng 4 cho thấy, năng suất lao động của Việt Nam có khoảng cách khá lớn so với các nước trong khu vực, mặc dù trong những năm gần đây năng suất lao động của Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể, lao động ở Việt Nam chủ yếu làm việc ở khu vực nông nghiệp, khu vực có năng suất lao động thấp, phương tiện sản xuất cũ kỹ lạc hậu, sức cạnh tranh thấp hơn nhiều so với lao động các nước trong khu vực.

Như vậy, qua phân tích trên cho thấy, thực tế hiện nay, Việt Nam có nguồn lao động khá dồi dào và trẻ. Đây là nguồn lực thuận lợi lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, đội ngũ nhân lực chất lượng cao, có kỹ năng lao động vẫn còn thấp, lao động theo cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực chưa hợp lý. Đồng thời, năng suất lao động của người Việt Nam còn thấp so với các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Philippin, Indonesia. Đây chính là những yếu kém và hạn chế của nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay khi tham gia hội nhập vào khu vực và thế giới.

khu vực ASEAN. Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị sau đây:

Thứ nhất, Việt Nam cần cải cách và đổi mới giáo dục thông qua việc đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng và các trường nghề. Việc dạy học bên cạnh lý thuyết, cần chú trọng đến hoạt động thực tế và thực hành tại doanh nghiệp. Do đó, các đơn vị đào tạo cần điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp và trang thiết bị phục vụ giảng dạy, tăng cường kiến thức thực tiễn để phù hợp với quá trình hội nhập khu vực và thế giới.

Thứ hai, Việt Nam phát triển nguồn nhân lực theo hướng chủ động hội nhập quốc tế, áp dụng theo các cam kết và thỏa thuận cũng như phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế về lĩnh vực giáo dục và đào tạo mà Việt Nam tham gia ký kết, cam kết thực hiện.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế chính sách về dạy nghề, học nghề. Có chính sách đãi ngộ thu hút giáo viên tham gia dạy nghề và người lao động tham

gia đào tạo nghề. Xây dựng cơ chế để các doanh nghiệp và cơ sở sử dụng lao động tham gia vào quá trình đào tạo lao động như góp ý chương trình đào tạo, đào tạo, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo v.v...

Thứ tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công tác đào tạo và dạy nghề thông qua việc học hỏi kinh

nhệm, giao lưu, tổ chức tham qua hội thảo với các quốc gia có nền đại học tiên tiến và thành công trong khu vực và trên thế giới. Tranh thủ các nguồn viện trợ cho công tác đào tạo và dạy nghề, trong đó chủ động hợp tác với các quốc gia ASEAN trong việc tiến tới công nhận kỹ năng nghề giữa lao động Việt Nam với các nước ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI.
2. Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Thị Mỹ Diêu (2016) "Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong bối cảnh hội nhập công đồng kinh tế ASEAN - Thực trạng và giải pháp" *Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn* Số 21, 3/2016.
3. Đặng Xuân Hoan (2015) "Phát triển nguồn nhân lực Việt Nam giai đoạn 2015-2020 đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế", *Tạp chí Công sản điện tử* 17/04/2015.
4. *Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI* NXB Quốc gia sư phạm, Hà Nội, Tr.130.

Ngày nhận bài: 3/3/2019

Ngày phân biện đánh giá và sửa chữa: 13/3/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 23/3/2019

Thông tin tác giả:

NGÔ QUỐC CUƠNG

Trường Trung cấp Á Châu

QUALITY OF VIETNAM'S HUMAN RESOURCES - COMPARING TO OTHER ASEAN COUNTRIES' HUMAN RESOURCES THROUGH SOME INDICATORS

● **NGO QUOC CUONG**

Asia Trade School

ABSTRACT:

The article used secondary sources of data collected from the International Labor Organization (ILO) to highlight the current status of the quality of Vietnam's human resources compared to the quality of human resources in other countries through some indicators. Results show that the quality of Vietnam's human resources is still quite low and is left behind by other countries in the region. It is reflected in the low level of education, professions and productivity of Vietnam's human resources. Based on these results, the article provides some recommendations to improve the quality of Vietnam's human resources in the coming time.

Keywords: Quality, human resources, comparison, ASEAN region.